

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 260/2020/HS-PT

Ngày: 25-9-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi KBuôr; Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 235/2020/TLPT-HS ngày 10/8/2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1, về tội “Đánh bạc”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác là T Thìn), sinh ngày 08 tháng 10 năm 1980, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn 7, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông: Nguyễn T và bà Lê Thị C. Bị cáo có vợ là Thái Thị Mỹ L, sinh năm 1987 và có 01 con; Tiền án: 01 tiền án, ngày 05/8/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc, đến ngày 27/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/3/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; ngày 10/8/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt là 01 năm 03 tháng tù; ngày 04/12/2015, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố bị can về tội Đánh bạc. Ngày 21/3/2016, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đình chỉ vụ án đối với bị can. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và đã chấp hành án phạt tù theo bản án số 150/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 22/10/2018 đến ngày 13/5/2019. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trương Văn A**, sinh năm 1965 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn 4, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn:

10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trương B và bà Đào Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/10/2014 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và đã chấp hành án phạt tù theo bản án số 150/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/02/2019. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Chế Quang T1**, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1977 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 6, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Chế Quang P và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo có vợ là Trần Đỗ Ly L, sinh năm 1978 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 04/12/2015, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố bị can về tội Đánh bạc. Ngày 21/3/2016, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đình chỉ vụ án đối với bị can theo khoản 1 Điều 25 BLHS năm 1999.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và đã chấp hành án phạt tù theo bản án số 150/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/01/2019. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Hồ Tấn Đ, Nguyễn Văn K, Trần Văn H, Phạm Thị C, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Hữu N, Phan Tiến Đ, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn Q, Lê Đức T nhưng không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào buổi trưa ngày 21 tháng 11 năm 2017, sau khi đi dự đám cưới tại Thôn 4, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đối tượng Lê Hữu L (tên thường gọi là Q - sinh năm: 1973; nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) cùng Trương Văn A và Phạm Thị C đi đến nhà của Phan Hùng T tại số 233, Thôn 4, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, rồi cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa thắng thua bằng tiền tại nhà của Phan Hùng T thì Phan Hùng T đồng ý nhằm thu tiền xâu của các con bạc hưởng lợi bất chính. Phan Hùng T lấy ra 01 cái chiếu trải tại phòng bếp, lấy 01 cái đĩa, 01 cái chén và lấy 01 cái kéo cùng với đối tượng Lê Hữu L cắt lá bài Tú lơ khơ làm 04 con vị để đánh bạc. Ban đầu Lê Hữu L cầm cái xóc đĩa đánh bạc với Phạm Thị X (lúc này Trương Văn A ngủ trên võng chưa tham gia đặt cược). Sau đó Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Chế Quang T1, Trần Văn H, Nguyễn Văn Q, Hồ Tấn Đ, Nguyễn Thanh H, Lê Đức T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Văn K đến sau cùng tham gia đánh bạc với Trương Văn A, Phạm Thị C và Lê Hữu L. Cách thức

đánh bạc cụ thể như sau: Người cầm cái cho 04 con vị được cắt từ lá bài Tú lơ khơ bỏ vào 01 cái chén và lấy 01 cái đĩa úp lên để xóc các con vị bên trong, các con bạc tham gia đặt cược để tiền xuống chiều bạc, quy ước phía bên tay trái của người làm cái là “Lẻ”, bên tay phải của người làm cái là “Chẵn”. Đặt cược xong, người làm cái sẽ mở chén để phân định kết quả thắng thua. Nếu có 03 con vị sấp (úp), 01 con vị ngửa hoặc 03 con vị ngửa, 01 con vị sấp là “Lẻ”; Nếu cả 04 con vị đều sấp hoặc đều ngửa hoặc có 02 con vị ngửa và 02 con vị sấp là “Chẵn”. Ai đặt cược trúng, người cầm cái thua phải chung số tiền bằng số tiền đã đặt cược, đặt cược không trúng thì người cầm cái thắng hết số tiền đã đặt cược. Quá trình đánh bạc, ban đầu Lê Hữu L (Q) làm cái xóc đĩa rồi chuyển cho Nguyễn Thanh H làm cái, sau đó Nguyễn Thanh H chuyển cho Hồ Tấn Đ làm cái. Hồ Tấn Đ làm cái thắng tiền rồi chuyển lại cho Nguyễn Thanh H làm cái, rồi Nguyễn Thanh H chuyển cho Nguyễn Văn T làm cái. Nguyễn Văn T bị thua tiền chuyển cho Lê Đức T làm cái sau cùng cho đến khi sòng bạc bị bắt quả tang. Số tiền mỗi người đặt cược từ 50.000 đồng đến 2.000.000 đồng/ván, tổng số tiền đặt cược mỗi ván dao động từ khoảng 03 đến 05 triệu đồng. Khi Hồ Tấn Đ đang đánh bạc thì Phan Tiến Đ gọi điện thoại rủ Hồ Tấn Đ đi uống cà phê, Hồ Tấn Đ nói với Phan Tiến Đ là đang chơi xóc đĩa và rủ vào đánh bạc thì Phan Tiến Đ đồng ý. Hồ Tấn Đ điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu: SYM, loại Attila, màu đỏ, biển số: 47B2- 015.99 đi ra đoạn đường gần cây xăng ở Thôn 4, xã K, thành phố B chở Phan Tiến Đ đến sòng bạc để tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, Trương Văn A mượn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của Nguyễn Văn Q để đánh bạc, sau đó Nguyễn Văn Q không đánh bạc nữa mà bỏ đi về trước. Do thắng tiền, Hồ Tấn Đ cho Trương Văn A mượn số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), cho Lê Đức T mượn số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); cho Nguyễn Văn K mượn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) trong đó Nguyễn Văn K dùng số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để đánh bạc, còn lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) Nguyễn Văn K cho Nguyễn Thanh H mượn dùng để đánh bạc. Phan Hùng T không tham gia đánh bạc mà chỉ xem rồi thu tiền xâu của các con bạc được số tiền 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi nghìn đồng). Vào lúc 15 giờ 50 phút cùng ngày, khi Lê Đức T đang cầm cái xóc đĩa, đánh bạc cùng những người trên thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang, cùng tang vật, tạm giữ tại sòng bạc gồm: Số tiền 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng), 04 con vị, 01 cái chiếu, 01 cái chén, 01 cái đĩa và tiền thu giữ trên người các bị cáo gồm: Hồ Tấn Đ là 42.650.000 đồng; Phan Tiến Đ 13.700.000 đồng; Trần Văn H là 9.750.000 đồng; Nguyễn Văn T là 60.000 đồng; Trương Văn A là 200.000 đồng; Nguyễn Hữu N là 6.500.000 đồng; Nguyễn Văn T2 là 500.000 đồng và Nguyễn Văn K là 50.000 đồng. Xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 84.010.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 150/2018/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Bản án phúc thẩm số 284/2018/HSPT ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 46/QĐ-VC2.

Tại bản án giám đốc thẩm số 52/2019/HS-GĐT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận kháng nghị số 46/QĐ-VC2, ngày 12/4/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng và hủy một phần bản án hình sự phúc thẩm số 284/2018/HSPT ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Trần Văn H, Chế Quang T1, Nguyễn Văn T, Trương Văn A và một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt liên quan đến tội “Đánh bạc”. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để xét xử sơ thẩm lại đối với các bị cáo: Hồ Tấn Đ, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Văn K, Trần Văn H, Phạm Thị C, Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Hữu N, Chế Quang T1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn văn Q, Lê Đức T về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2020/HS-ST, ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (T thìn): 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 22/10/2018 đến ngày 13/5/2019.

- Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt bị cáo Trương Văn A: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/02/2019.

- Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt bị cáo Chế Quang T1: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/01/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Hồ Tấn Đ, Nguyễn Văn K, Trần Văn H, Phạm Thị C, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Hữu N,

Phan Tiến Đ, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn Q, Lê Đức T, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/6/2020 các bị cáo: Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự - Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (T thìn): 02 (Hai) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 22/10/2018 đến ngày 13/5/2019.

Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trương Văn A: 02 (Hai) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/02/2019.

Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Chế Quang T1: 02 (Hai) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/01/2019.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trưa ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại số 233, thôn 4, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk các bị cáo đã rủ nhau cùng tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang và thu giữ tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 84.010.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi xem xét quyết định hình phạt đối với các bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bản thân bị cáo Nguyễn Văn T có tình tiết tăng nặng là tái phạm và có nhân thân xấu; các bị cáo Trương Văn A, Chế Quang T1 cũng có nhân thân xấu, đã có hành vi đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Đối với bị cáo Chế Quang T1, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu cô ruột, bác ruột là người có công với cách mạng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo và mức hình phạt áp dụng với bị cáo đã phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 159/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (T Thìn): 02 (Hai) năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 22/10/2018 đến ngày 13/5/2019.

- Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trương Văn A: 02 (Hai) năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/02/2019.

- Áp dụng khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Chế Quang T1: 02 (Hai) năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 01/12/2017 và thời gian đã chấp hành án của bản án số 150/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/01/2019.

[3] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trương Văn A, Chế Quang T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- T.H.A.HS Công an TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn